

TỔNG CÔNG TY MAY HƯNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Văn phòng Hà Nội
Tầng 9, Tòa nhà AC, Ngõ 78, Phố Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 795 8705 Fax: (84-4) 3 795 8677

Văn phòng Hải Phòng
Tầng 7, Tòa nhà Hải Quân
Số 5, Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: (84-31) 3 842 430 Fax: (84-31) 3 842 433

www.vaaco.com.vn



TỔNG CÔNG TY MAY HÙNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34

115
CỘNG
HÀNH
SỐ
TÊN
H N
SỐ F
TỔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Dương	Chủ tịch
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Ủy viên
Bà Phạm Thị Phương Hoa	Ủy viên
Bà Phạm Thị Lan Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Trung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Phạm Thị Phương Hoa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/4/2014
Ông Nguyễn Xuân Dương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/4/2014
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/6/2014
Bà Phạm Thị Phương Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/4/2014
Bà Phạm Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Trung	Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 01/6/2014
Ông Chu Hữu Nghị	Giám đốc điều hành	
Bà Bùi Thị Lý	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 25/4/2014

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Thị Phương Hoa
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2015

12/ H A N H A G A N

Số: 68 /2015/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 26/3/2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn phòng Hà Nội
Tầng 9, Tòa nhà AC
Ngõ 78, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 795 8705 Fax: (84-4) 3 795 8677

Văn phòng Hải Phòng
Tầng 7, Tòa nhà Hải Quân
Số 5, Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: (84-31) 3 842 430 Fax: (84-31) 3 842 433

www.vaaco.com.vn

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng công ty không phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công trên chi tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán.

Như trình bày tại thuyết minh số 4.10 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm Tổng công ty tăng vốn điều lệ từ 94.329.900.000 VND lên 99.046.400.000 VND từ phát hành thêm cổ phiếu mới theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25/3/2014 và chưa thực hiện đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Năm 2014, Tổng công ty chưa xác định giá thị trường đối với sản phẩm trong các giao dịch liên kết và kê khai các giao dịch liên kết theo mẫu GCN-01/QLT quy định tại Phụ lục 1-GCN/CC ban hành kèm theo Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính, cũng như điều chỉnh ảnh hưởng liên quan đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (nếu có).

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Thị Hương Giang

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0388-2013-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2015

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Hoài Nam", written over a horizontal line.

Vũ Hoài Nam

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2013-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		220.042.645.715	196.617.182.772
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	73.498.335.418	55.347.640.716
1. Tiền	111		6.873.957.572	347.640.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		66.624.377.846	55.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		64.000.000.000	54.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	06	64.000.000.000	54.000.000.000
III- Các khoản phải thu	130		62.581.233.436	60.797.102.481
1. Phải thu của khách hàng	131		52.341.417.557	55.935.415.868
2. Trả trước cho người bán	132		1.476.850.000	3.393.127.716
5. Các khoản phải thu khác	135	07	9.958.287.456	2.568.758.881
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.195.321.577)	(1.100.199.984)
IV- Hàng tồn kho	140		15.864.340.662	23.851.661.262
1. Hàng tồn kho	141	08	15.864.340.662	23.851.661.262
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.098.736.199	2.620.778.313
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.931.736.199	2.453.778.313
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	09	167.000.000	167.000.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		173.167.646.650	130.143.631.702
II- Tài sản cố định	220		41.303.377.716	46.529.237.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	41.303.377.716	41.670.364.693
- Nguyên giá	222		118.274.185.225	139.675.731.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.970.807.509)	(98.005.366.904)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	4.858.873.009
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		124.459.762.421	83.614.394.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	46.798.400.000	69.298.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	36.215.000.000	18.215.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	48.600.994.000	8.600.994.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.154.631.579)	(12.500.000.000)
V- Tài sản dài hạn khác	260		7.404.506.513	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.404.506.513	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		393.210.292.365	326.760.814.474

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		173.521.046.037	144.330.574.406
I- Nợ ngắn hạn	310		173.521.046.037	144.330.574.406
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	5.344.375.000	6.325.500.000
2. Phải trả cho người bán	312		30.898.441.795	22.241.318.267
3. Người mua trả tiền trước	313		1.936.446.334	5.473.616.408
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	13.764.430.331	14.767.158.575
5. Phải trả người lao động	315		58.682.218.830	53.536.642.547
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	10.588.072.251	10.624.065.968
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		52.307.061.496	31.362.272.641
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		219.689.246.328	182.430.240.068
I- Nguồn vốn, quỹ	410		219.689.246.328	182.430.240.068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	99.046.400.000	94.329.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	9.208.400.000	4.491.900.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	6.033.564.010	6.033.564.010
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	25.036.069.924	19.336.069.924
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	80.364.812.394	58.238.806.134
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		393.210.292.365	326.760.814.474

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ (USD)		230.268,15	9.010,68
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)		4,41	4,41

Người lập biểu



Cáp Thị Chinh

Kế toán trưởng



Mai Ngọc Công

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mẫu số B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	471.441.522.474	402.932.680.891
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		471.441.522.474	402.932.680.891
4. Giá vốn hàng bán	11	18	298.902.988.110	237.922.841.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		172.538.534.364	165.009.839.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	23.822.560.463	19.931.861.330
7. Chi phí tài chính	22	20	(4.498.969.458)	12.884.412.262
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		615.467.804	200.564.158
8. Chi phí bán hàng	24		63.876.780.646	53.065.978.528
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		54.055.732.549	50.191.465.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		82.927.551.090	68.799.844.538
11. Thu nhập khác	31	21	1.568.584.743	700.272.727
12. Chi phí khác	32	21	167.253.226	2.500.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	1.401.331.517	697.772.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		84.328.882.607	69.497.617.265
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	13.440.401.347	12.106.609.713
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		70.888.481.260	57.391.007.552
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	7.235	6.351

Người lập biểu



Cáp Thị Chinh

Kế toán trưởng



Mai Ngọc Công

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Mẫu số B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	474.404.079.624	380.767.173.608
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(174.175.828.503)	(135.502.885.041)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(222.950.529.634)	(185.237.880.504)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(615.467.804)	(200.564.158)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(13.986.709.713)	(14.842.500.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	18.004.160.676	19.870.024.326
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(10.657.875.927)	(37.336.917.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.021.828.719	27.516.450.411
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.366.105.513)	(9.872.695.919)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	900.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(141.219.600.000)	(127.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	90.500.000.000	111.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.000.000.000)	(28.214.904.678)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.560.000.000	7.146.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.036.910.387	19.399.547.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.488.795.126)	(26.641.753.376)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	9.433.000.000	8.983.800.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	82.913.939.440	44.000.444.011
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(84.244.553.816)	(37.836.882.339)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.582.475.000)	(9.832.929.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.480.089.376)	5.314.432.672
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	18.052.944.217	6.189.129.707
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.347.640.716	49.158.511.009
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	97.750.485	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	73.498.335.418	55.347.640.716

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Thông tin bổ sung cho một số chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm khoản chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên nhưng chưa thu, số tiền 3.940.000.000 VND.

Người lập biểu



Cát Thị Chinh

Kế toán trưởng



Mai Ngọc Công

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa

Số: 68 /2015/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 26/3/2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn phòng Hà Nội
Tầng 9, Tòa nhà AC
Ngõ 78, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 795 8705 Fax: (84-4) 3 795 8677

Văn phòng Hải Phòng
Tầng 7, Tòa nhà Hải Quân
Số 5, Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: (84-31) 3 842 430 Fax: (84-31) 3 842 433

www.vaaco.com.vn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần được chuyển đổi theo Quyết định số 204/QĐ-TĐDMVN ngày 22/4/2011 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần May Hưng Yên thành Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi: lần thứ năm ngày 17/5/2011, lần thứ sáu ngày 11/6/2012, lần thứ bảy ngày 14/12/2012, lần thứ tám ngày 19/11/2013, lần thứ chín ngày 01/4/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Vốn điều lệ: 99.046.400.000 VND, mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, gia công các mặt hàng may mặc;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán buôn quần áo đồng phục và quần áo may sẵn các loại, bán buôn vải giả da, bán buôn vải sợi các loại;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn phụ liệu may mặc;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại: số 8 Bạch Đằng, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.

Tổng công ty có Chi nhánh tại Hải Phòng hạch toán phụ thuộc. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0213004860 ngày 27/11/2008. Địa chỉ: số 594 Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng công ty không phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công trên chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán do Ban Giám đốc đánh giá việc này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2014, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại thời điểm 31/12/2014 và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

2014
TY
HUU MI
O ANH
ANH
ONG
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ bằng ngoại tệ (các khoản mục tiền tệ) được đánh giá lại theo bình quân tỷ giá mua vào của các ngân hàng Công ty mở tài khoản tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2014 là 21.378 VND/USD, tại ngày 31/12/2013 là 21.085 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Số dự phòng phải thu khó đòi Tổng công ty đã trích lập lũy kế đến 31/12/2014 là 1.195.321.577 VND.

Một số khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng Ban Giám đốc đánh giá có khả năng thu hồi dần được trong tương lai gần nên Tổng công ty không trích lập dự phòng. Ban Giám đốc Tổng công ty cho rằng việc thực hiện như vậy là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các nhóm tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm các khoản cho vay có thời hạn không quá 12 tháng và các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm khoản mua trái phiếu xây dựng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý, số tiền 2.000.000.000 VND, khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may vay số tiền 4.000.000.000 VND và các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên có kỳ hạn dưới 12 tháng. Các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua nếu có, như chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, thuế và phí ngân hàng. Khoản đầu tư vào Công ty con tại ngày 31/12/2014 là giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào các công ty: Công ty Cổ phần Phú Hưng với tỷ lệ sở hữu 55% vốn điều lệ, tương đương 11.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần May Sơn Động với tỷ lệ sở hữu 78,4% vốn điều lệ, tương đương 19.600.000.000 VND và Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình với tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ, tương đương 16.198.400.000 VND, Tổng công ty đã ghi nhận cổ tức năm 2013 được chia từ Công ty Cổ phần Phú Hưng, số tiền 2.200.000.000 VND, đồng thời, Tổng công ty đã trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May Sơn Động, số tiền 1.572.839.031 VND.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác từ Công ty liên kết mà Tổng công ty nhận được, ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia, được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31/12/2014 là giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty: Công ty Cổ phần Tiên Hưng, chiếm 47% vốn điều lệ, tương đương 10.965.000.000 VND, Công ty Cổ phần May Hưng Việt, chiếm 25% vốn điều lệ, tương đương 1.250.000.000 VND, Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý chiếm 38,35% vốn thực góp, tương đương 6.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên, chiếm 36% vốn điều lệ, tương đương 9.000.000.000 VND và Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình 2, chiếm 30% vốn điều lệ, tương đương 9.000.000.000 VND. Năm 2014, Tổng công ty đã ghi nhận cổ tức năm 2013 được chia từ Công ty Cổ phần May Hưng Việt là 1.200.000.000 VND, Công ty Cổ phần Tiên Hưng là 10.327.500.000 VND. Tổng công ty đã trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên, số tiền 3.043.616.537 VND, Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý, số tiền 2.538.176.011 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may, Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long, Công ty Cổ phần Bảo Hưng và Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư dệt may Việt Nam. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư. Năm 2014, Tổng công ty đã ghi nhận cổ tức năm 2013 được chia từ Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long là 435.016.000 VND và Công ty Cổ phần Bảo Hưng là 2.030.000.000 VND.

Trong năm, Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long chia cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10 cổ phần được tặng thêm 4,5 cổ phần, theo đó vốn góp của Tổng công ty vào Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long tại 31/12/2014 là 204.000.000 VND, tương đương 78.847 cổ phần, chiếm 1,05% vốn thực góp tại 31/12/2014.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư lớn hơn phần sở hữu tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh và được phản ánh trên chi tiêu chi phí tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hữu ích ước tính.

- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm kể từ khi phát sinh.
- + Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 36 tháng kể từ khi phát sinh. Riêng giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 12 đến 36 tháng, kể từ ngày 01/01/2014.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng công ty bao gồm vốn góp của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Trong năm, Tổng công ty tăng vốn điều lệ từ 94.329.900.000 VND lên 99.046.400.000 VND từ phát hành thêm cổ phiếu mới theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25/3/2014. Tổng công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ chín ngày 01/4/2014 với số vốn điều lệ là 99.046.400.000 VND. Tổng công ty chưa thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25/3/2014, cụ thể: trích quỹ dự phòng tài chính 5.700.000.000 VND, trích thưởng cán bộ công nhân viên 3.380.000.000 VND, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là 17.100.000.000 VND, Tổng công ty trích lập là 16.100.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao sang người mua, đồng thời Tổng công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xuất khẩu được ghi nhận trên cơ sở tờ khai xuất khẩu và vận đơn vận chuyển (Bill of lading) có xác nhận ngày chất hàng lên tàu, hóa đơn đã phát hành và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi, chênh lệch tỷ giá, cổ tức, lợi nhuận được chia. Cụ thể:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chia cổ tức của bên nhận đầu tư.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá và dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Cụ thể:

- + Lãi tiền vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.
- + Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính âm phản ánh số hoàn nhập dự phòng cho khoản đầu tư trong năm.

4.13 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Năm 2014, Tổng công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi cho lao động nữ trong năm (theo Điều 17, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/13/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Trong năm, Tổng công ty chưa xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản tiền và phải thu gốc ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, cho vay, phải thu khách hàng, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Tổng công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Tổng công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn).

Tập đoàn Dệt may Việt Nam góp 36,28% vốn điều lệ và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Tập đoàn Dệt may Việt Nam được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Tổng công ty có các Công ty con là Công ty Cổ phần Phú Hưng (góp 55% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May Sơn Động (góp 78,4% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình (góp 51% vốn điều lệ); các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tiên Hưng (góp 47% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May Hưng Việt (góp 25% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý (góp 38,35% vốn thực góp), Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên (góp 36% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình 2 (góp 30% vốn điều lệ). Tổng công ty góp 19,33% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Bảo Hưng, 1,05% vốn thực góp tại 31/12/2014 vào Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long và có chung thành viên quản lý chủ chốt. Theo đó, các Công ty này được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tổng công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên) và Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành), các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 26.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.656.069.115	78.592.037
Tiền gửi ngân hàng	5.217.888.457	269.048.679
Các khoản tương đương tiền	66.624.377.846	55.000.000.000
Cộng	73.498.335.418	55.347.640.716

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm	58.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	47.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	11.000.000.000	-
Cho vay	4.000.000.000	52.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may Việt Nam	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may	4.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hưng	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Hưng Long II	-	3.500.000.000
Công ty Cổ phần May Sơn Động	-	10.000.000.000
Trái phiếu xây dựng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	64.000.000.000	54.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	-	724.926.337
Phải thu cơ quan BHXH	1.430.950.216	888.572.120
Phải thu Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình	596.827.450	520.161.450
Phải thu Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên	4.843.175.922	403.475.922
Lãi dự thu Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	2.721.763.890	-
Lãi dự thu Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	23.497.222	-
Lãi dự thu Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	154.060.154	-
Phải thu khác	188.012.602	31.623.052
Cộng	<u>9.958.287.456</u>	<u>2.568.758.881</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Nguyên liệu, vật liệu	482.532.408	364.297.815
Công cụ, dụng cụ	147.250.685	114.347.698
Thành phẩm	15.149.247.716	23.195.400.527
Hàng gửi đi bán	85.309.853	177.615.222
Cộng	<u>15.864.340.662</u>	<u>23.851.661.262</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Tạm ứng	167.000.000	167.000.000
Cộng	<u>167.000.000</u>	<u>167.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	26.559.930.626	108.606.546.095	3.135.594.545	1.373.660.331	139.675.731.597
Mua sắm	-	4.510.875.287	-	254.550.000	4.765.425.287
Đầu tư xây dựng	8.213.303.780	-	-	-	8.213.303.780
Tăng khác	5.559.950.884	-	-	-	5.559.950.884
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	38.837.045.880	-	1.103.180.443	39.940.226.323
Tại ngày 31/12/2014	<u>40.333.185.290</u>	<u>74.280.375.502</u>	<u>3.135.594.545</u>	<u>525.029.888</u>	<u>118.274.185.225</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	13.696.923.561	82.036.584.031	898.198.981	1.373.660.331	98.005.366.904
Khấu hao trong năm	1.965.831.716	6.327.564.095	519.353.760	29.368.887	8.842.118.458
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	28.773.497.410	-	1.103.180.443	29.876.677.853
Tại ngày 31/12/2014	<u>15.662.755.277</u>	<u>59.590.650.716</u>	<u>1.417.552.741</u>	<u>299.848.775</u>	<u>76.970.807.509</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	12.863.007.065	26.569.962.064	2.237.395.564	-	41.670.364.693
Tại ngày 31/12/2014	<u>24.670.430.013</u>	<u>14.689.724.786</u>	<u>1.718.041.804</u>	<u>225.181.113</u>	<u>41.303.377.716</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31/12/2014 là 45.839.574.218 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ góp vốn (%)		Số lượng cổ phần	31/12/2014	01/01/2014
	Theo thực tế	Theo ĐKKD		VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				46.798.400.000	69.298.400.000
Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên			-	-	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hưng	56,60	55,00	1.100.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần May Sơn Động	78,40	78,40	1.960.000	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình	51,00	51,00	1.275.000	16.198.400.000	16.198.400.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				36.215.000.000	18.215.000.000
Công ty Cổ phần Tiên Hưng	47,00	47,00	2.295.000	10.965.000.000	10.965.000.000
Công ty Cổ phần May Hưng Việt	25,00	25,00	200.000	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý	38,35	44,00	600.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên	36,00	36,00	900.000	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình 2	30,00	30,00	900.000	9.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác				48.600.994.000	8.600.994.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may	7,08	-	233.434	2.476.994.000	2.476.994.000
Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long	0,01	3,40	54.000	204.000.000	204.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hưng	19,55	19,33	580.000	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư Dệt may Việt Nam				120.000.000	120.000.000
Cho vay dài hạn				40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên				20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Sơn Động				10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình				10.000.000.000	-
Cộng				131.614.394.000	96.114.394.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	(12.500.000.000)	-
Trích lập dự phòng	-	(12.500.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	5.345.368.421	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối năm	(7.154.631.579)	(12.500.000.000)
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên	(3.043.616.537)	(6.240.000.000)
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình	-	(1.450.000.000)
Công ty Cổ phần May Sơn Động	(1.572.839.031)	(4.810.000.000)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý	(2.538.176.011)	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.360.919.513	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	43.587.000	-
Cộng	7.404.506.513	-

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên (*)	5.344.375.000	6.325.500.000
Cộng	5.344.375.000	6.325.500.000

(*) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 14.0199/VCB.HY.PH ngày 12/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên và Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần. Theo đó:

Số tiền vay	: 45.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động trong quá trình sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	: 12 tháng kể từ ngày 12/5/2014
Lãi suất	: Theo thông báo lãi suất của bên cho vay tại thời điểm nhận nợ và cố định suốt thời hạn vay.
Tài sản đảm bảo	: Các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên với tổng trị giá 20 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.370.741.430	13.917.049.796
Thuế thu nhập cá nhân	-	850.108.779
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2	-
Các loại thuế khác	393.688.899	-
Cộng	13.764.430.331	14.767.158.575

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.375.953.242	1.874.669.242
Phải trả về cổ phần hoá	2.566.120.671	2.566.120.671
Phải trả Kho bạc Nhà nước - Tỉnh Hưng Yên	5.200.000.000	5.200.000.000
Phải trả khác	445.998.338	983.276.055
Cộng	10.588.072.251	10.624.065.968

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	89.838.000.000	-	33.564.010	13.336.069.924	40.525.727.582
Tăng trong năm trước	4.491.900.000	4.491.900.000	6.000.000.000	6.000.000.000	57.391.007.552
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	39.677.929.000
Số dư cuối năm trước	94.329.900.000	4.491.900.000	6.033.564.010	19.336.069.924	58.238.806.134
Số dư đầu năm nay	94.329.900.000	4.491.900.000	6.033.564.010	19.336.069.924	58.238.806.134
Tăng trong năm nay	4.718.250.000	4.718.250.000	-	5.700.000.000	70.888.481.260
Giảm trong năm nay	1.750.000	1.750.000	-	-	48.762.475.000
Số dư cuối năm nay	99.046.400.000	9.208.400.000	6.033.564.010	25.036.069.924	80.364.812.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	94.329.900.000	89.838.000.000
Tăng trong năm	4.718.250.000	4.491.900.000
Giảm trong năm	1.750.000	-
Vốn góp cuối năm	99.046.400.000	94.329.900.000
Cổ tức đã chia	23.582.475.000	9.832.929.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	58.238.806.134	40.525.727.582
Tăng trong năm	70.888.481.260	57.391.007.552
Lợi nhuận trong năm	70.888.481.260	57.391.007.552
Giảm trong năm	48.762.475.000	39.677.929.000
Chia cổ tức	23.582.475.000	9.832.929.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	6.000.000.000
Trích quỹ dự phòng tài chính	5.700.000.000	6.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	16.100.000.000	12.000.000.000
Trích thưởng cán bộ công nhân viên	3.380.000.000	5.845.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	80.364.812.394	58.238.806.134

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25/3/2014, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập là 17.100.000.000 VND.

CỔ PHIẾU

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.904.640	9.432.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.904.640	9.432.990
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.904.640</i>	<i>9.432.990</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.904.640	9.432.990
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.904.640</i>	<i>9.432.990</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	469.562.076.550	401.751.982.180
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	87.309.090
Doanh thu khác	1.879.445.924	1.093.389.621
Cộng	471.441.522.474	402.932.680.891

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	298.902.988.110	237.922.841.502
Cộng	298.902.988.110	237.922.841.502

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.777.437.653	3.099.596.546
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.192.516.000	16.231.390.800
Lãi trái phiếu	42.944.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	412.181.438	600.873.984
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	397.481.372	-
Cộng	23.822.560.463	19.931.861.330

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	615.467.804	200.564.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	230.931.159	183.848.104
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(5.345.368.421)	12.500.000.000
Cộng	(4.498.969.458)	12.884.412.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

21. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	700.272.727
Khách hàng trả thừa	1.568.584.743	-
Thu nhập khác (1)	1.568.584.743	700.272.727
Phạt vi phạm hành chính	-	2.500.000
Phạt thuế	167.253.222	-
Xử lý số dư nhỏ lẻ	4	-
Chi phí khác (2)	167.253.226	2.500.000
Lợi nhuận khác (1) - (2)	1.401.331.517	697.772.727

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	84.328.882.607	69.497.617.265
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	567.253.222	-
Phạt thuế	167.253.222	-
Phụ cấp HDQT không điều hành trực tiếp	400.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	16.939.486.748	16.231.390.800
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	746.970.748	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.192.516.000	16.231.390.800
Tổng lợi nhuận chịu thuế (4)=(1)+(2)-(3)	67.956.649.081	53.266.226.465
Thuế suất thuế TNDN (5)	22%	25%
Thuế TNDN được giảm do thực chi cho lao động nữ (6)	1.510.061.451	1.209.946.903
Chi phí thuế TNDN hiện hành (7) = (4)*(5)-(6)	13.440.401.347	12.106.609.713

23. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.808.366.983	34.514.587.631
Chi phí nhân công	229.213.482.546	200.960.686.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.876.948.699	11.874.979.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.880.255.411	16.760.876.333
Chi phí khác bằng tiền	37.413.928.941	37.817.510.402
Cộng	334.192.982.579	301.928.640.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

<i>Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)</i>	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Hưng		
Mua tài sản cố định	-	201.674.000
Bù trừ công nợ phải trả với phải thu tiền cho vay	500.000.000	201.674.000
Thu tiền cho vay	-	148.326.000
Bán hàng hoá, dịch vụ	1.709.698.750	529.346.400
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.635.574.150	-
Mua hàng hoá, dịch vụ	877.519.209	3.616.414.103
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	-	2.745.836.133
Cổ tức được chia	-	1.650.000.000
Thu tiền cổ tức	2.200.000.000	1.308.768.430
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	74.124.600	529.346.400
Bù trừ tiền cổ tức và tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	341.231.570
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình		
Mua hàng hoá, dịch vụ	-	2.503.302.740
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	-	2.503.302.740
Góp vốn	9.000.000.000	8.448.400.000
Thu hồi vốn góp	-	2.250.000.000
Cho vay	-	10.000.000.000
Trả hộ tiền mua tài sản	-	520.161.450
Công ty Cổ phần May Hưng Việt		
Cổ tức được chia	-	1.400.000.000
Thu tiền cổ tức	1.200.000.000	1.400.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Chia cổ tức	8.983.800.000	9.374.400.000
Trả tiền cổ tức	8.983.800.000	9.374.400.000
Kinh phí tham gia Tập đoàn phát sinh	-	33.000.000
Nộp tiền kinh phí tham gia Tập đoàn	-	33.000.000
Ứng hộ hội hưu trí	-	100.000.000
Nộp tiền ứng hộ hội hưu trí	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên		
Mua hàng hoá, dịch vụ	31.377.281.801	17.230.317.434
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	24.413.183.738	18.257.650.000
Phải thu do trả hộ tiền mua tài sản	499.700.000	-
Góp vốn	-	10.486.104.678
Cho vay	-	6.000.000.000
Trả hộ tiền mua tài sản	-	291.725.922
Phải thu lãi cho vay	-	111.750.000
Bù trừ công nợ phải trả	69.980.000	-
Thu hồi vốn góp	13.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo Hưng		
Chia cổ tức	2.030.000.000	2.030.000.000
Trả tiền cổ tức	2.030.000.000	2.030.000.000
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	-	40.886.229
Bán hàng hoá, dịch vụ	-	1.464.579.288
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.464.579.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

<i>Số dư với các bên liên quan</i>	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tiên Hưng		
Vốn góp	10.965.000.000	10.965.000.000
Công ty Cổ phần May Sơn Động		
Phải trả về hàng hoá, dịch vụ	16.140.891.848	10.323.072.356
Phải thu tiền cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hưng		
Vốn góp	11.000.000.000	11.000.000.000
Cho vay	-	500.000.000
Phải trả về hàng hoá, dịch vụ	377.788.058	-
Công ty Cổ phần May Hưng Việt		
Vốn góp	1.250.000.000	1.250.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phải trả về cổ phần hóa	2.566.120.671	2.566.120.671
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý		
Vốn góp	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn (trái phiếu xây dựng)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình		
Phải thu tiền cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp	16.198.400.000	16.198.400.000
Phải thu tiền trả hộ tiền mua tài sản	520.161.450	520.161.450
Công ty Cổ phần Châu Giang Hưng Yên		
Vốn góp	9.000.000.000	22.500.000.000
Phải trả về hàng hoá, dịch vụ	7.324.435.497	430.317.434
Phải thu tiền cho vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu lãi cho vay và trả hộ tiền mua tài sản	903.175.922	403.475.922
Công ty Cổ phần Bảo Hưng		
Vốn góp	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long		
Vốn góp	204.000.000	204.000.000
Phải trả về hàng hoá, dịch vụ	313.164.166	-
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình 2		
Vốn góp	9.000.000.000	-
Thu nhập của thành viên chủ chốt		Năm 2014
		VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		1.913.986.800
Lương, thưởng HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		3.484.250.780
Cộng		5.398.237.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09-DN

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 02 bộ phận hoạt động: bộ phận sản xuất hàng may mặc, bộ phận cung cấp dịch vụ. Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 02 bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất hàng may mặc: sản xuất và phân phối hàng may mặc.

Bộ phận cung cấp dịch vụ: cung cấp dịch vụ cho thuê nhà và một số dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty như sau:

Năm 2014

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2014

	Sản xuất hàng may mặc	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	393.210.292.365
Cộng	-	-	393.210.292.365
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	173.521.046.037
Cộng	-	-	173.521.046.037

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

	Sản xuất hàng may mặc	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	469.562.076.550	1.879.445.924	471.441.522.474
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu	469.562.076.550	1.879.445.924	471.441.522.474
Giá vốn			
Giá vốn hàng bán			298.902.988.110
Chi phí không phân bổ			117.932.513.195
Doanh thu hoạt động tài chính			23.822.560.463
Chi phí tài chính			(4.498.969.458)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			82.927.551.090
Lãi (lỗ) khác			1.401.331.517
Lợi nhuận trước thuế			84.328.882.607
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			13.440.401.347
Lợi nhuận sau thuế			70.888.481.260

Ghi chú: giá vốn, chi phí và lợi nhuận không tập hợp được theo từng bộ phận kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Năm 2013

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2013

	Sản xuất hàng may mặc	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	326.760.814.474
Cộng	-	-	326.760.814.474
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	144.330.574.406
Cộng	-	-	144.330.574.406

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

	Sản xuất hàng may mặc	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	401.751.982.180	1.180.698.711	402.932.680.891
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu	401.751.982.180	1.180.698.711	402.932.680.891
Giá vốn			
Giá vốn hàng bán			237.922.841.502
Chi phí không phân bổ			103.257.443.919
Doanh thu hoạt động tài chính			19.931.861.330
Chi phí tài chính			12.884.412.262
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			68.799.844.538
Lãi (lỗ) khác			697.772.727
Lợi nhuận trước thuế			69.497.617.265
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			12.106.609.713
Lợi nhuận sau thuế			57.391.007.552

Ghi chú: giá vốn, chi phí và lợi nhuận không tập hợp được theo từng bộ phận kinh doanh.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.498.335.418	55.347.640.716
Cho vay	104.000.000.000	54.000.000.000
Phải thu khách hàng	52.341.417.557	55.935.415.868
Các khoản phải thu khác	8.527.337.240	955.260.424
Cộng	238.367.090.215	166.238.317.008
Nợ tài chính		
Vay và nợ	5.344.375.000	6.325.500.000
Phải trả người bán	30.898.441.795	22.241.318.267
Các khoản phải trả khác	8.041.308.394	8.749.396.726
Cộng	44.284.125.189	37.316.214.993

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Tổng công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tổng công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Tổng công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì các giao dịch bán hàng lớn đều bằng USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tài sản tài chính	52.255.088.262	53.691.197.512
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.922.459.038	189.884.476
Phải thu khách hàng	47.332.629.224	53.501.313.036
Nợ tài chính	5.344.375.000	6.325.500.000
Vay và nợ	5.344.375.000	6.325.500.000
(Nợ)/ Tài sản tài chính thuần	46.910.713.262	47.365.697.512
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	46.910.713.262	47.365.697.512

- *Rủi ro lãi suất*

Lãi suất của các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên được cố định cố định suốt thời hạn vay, do đó, Tổng công ty không chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Tổng công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Tổng công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tổng công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Quá hạn trên 01 năm đến 02 năm	291.725.922	-
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	111.750.000	-
Quá hạn trên 03 năm	1.195.321.577	1.195.321.577
Cộng	1.598.797.499	1.195.321.577

Tài sản tài chính quá hạn nêu trên đã được Tổng công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán Tổng công ty vẫn đang tiến hành thu nợ, Ban Giám đốc Tổng công ty đánh giá có khả năng thu hồi dần được trong tương lai gần nên Tổng công ty không trích lập dự phòng. Ban Giám đốc Tổng công ty cho rằng việc thực hiện như vậy là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

• **Rủi ro thanh khoản**

Tổng công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2014		
Vay và nợ	5.344.375.000	-
Phải trả người bán	30.898.441.795	-
Các khoản phải trả khác	8.041.308.394	-
Cộng	44.284.125.189	-
Tại 01/01/2014		
Vay và nợ	6.325.500.000	-
Phải trả người bán	22.241.318.267	-
Các khoản phải trả khác	8.749.396.726	-
Cộng	37.316.214.993	-

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng.

Người lập biểu

Cáp Thị Chinh

Kế toán trưởng

Mai Ngọc Công

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2015
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Phương Hoa